

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2025

Số: 2699/TB-KHXXH

THÔNG BÁO

Danh sách thí sinh đủ điều kiện, không đủ điều kiện tham dự kỳ tuyển dụng viên chức năm 2025 tại Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 32/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020;

Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 1429/QĐ-KHXXH ngày 14/11/2025 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam thông báo danh sách ứng viên đủ điều kiện, không đủ điều kiện tham dự kỳ tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (có danh sách kèm theo).

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Website Viện Hàn lâm;
- Trang thông tin điện tử của các đơn vị trực thuộc;
- Hội đồng tuyển dụng;
- Ban Giám sát (đề ph/h);
- Lưu: VT, HĐTD.

(Chữ ký)

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



(Chữ ký)

PHÓ CHỦ TỊCH VIỆN HÀN LÂM KHXXH VIỆT NAM
Tạ Minh Tuấn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025

DANH SÁCH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025 CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
(HÌNH THỨC THI TUYỂN)

(Kèm theo Thông báo số 2699/KHXXH-TCCB ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Giới tính	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng 2	Diện ưu tiên	Đăng ký ngoại ngữ	
		Ngày	Tháng	Năm						Miễn thi	Ngoại ngữ đăng ký thi
1	Lê Toàn Thắng	14	9	2000	Nam	Chuyên viên tiếp công dân và giải quyết đơn thư	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Không	Tiếng Anh
2	Trần Quang Tuyển	17	11	1997	Nam	Chuyên viên tổ chức bộ máy	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự (2016-2018); Dân tộc Tày	Không	Tiếng Anh
3	Lê Vương Trung	28	10	2002	Nam	Chuyên viên Quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Không	Tiếng Anh
4	Nguyễn Văn Hoan	3	1	2000	Nam	Chuyên viên tổ chức bộ máy	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Miễn	không
5	Khuất Phương Thảo	19	9	2003	Nữ	Chuyên viên tiếp công dân và giải quyết đơn thư	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Miễn	Không
6	Tạ Hữu Tuấn	19	9	1998	Nam	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Không	Tiếng Anh
7	Đỗ Thái Hà	19	9	1997	Nam	Chuyên viên tổ chức bộ máy	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Không	Tiếng Anh
8	Hồ Thị Ngọc	28	4	2003	Nữ	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Miễn	không
9	Nông Thị Cơ	17	3	1993	Nữ	Chuyên viên tổ chức bộ máy.	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	!- Giấy Khai sinh dân tộc thiểu số Nùng	Không	Tiếng Anh

ME

10	Đoàn Phạm Phương Anh	23	12	2000	Nữ	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Miền	không
11	Phan Nhật Minh	9	1	1999	Nam	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	không	không	Tiếng Anh
12	Nguyễn Thị Thủy	28	6	1990	Nữ	Chuyên viên tiếp công dân và giải quyết đơn thư	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	không	không	Tiếng Anh
13	Đỗ Tuấn Anh	10	8	1996	Nam	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	không	không	Tiếng Anh
14	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	21	10	2002	Nữ	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Miền	không
15	Đào Thị Ngọc Anh	25	10	1990	Nữ	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Miền	không
16	Nguyễn Văn Dương	7	9	1985	Nam	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	không	Không	Tiếng Anh
17	Đỗ Phương Thảo	6	12	2002	Nữ	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	không	Miền	không
18	Nguyễn Quỳnh Anh	2	10	2003	Nữ	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Không	Tiếng Anh
19	Dương Văn Ngân	12	3	1986	Nam	Chuyên viên tiếp công dân và giải quyết đơn thư	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Không	Tiếng Anh
20	Phan Thị Ngọc Trâm	7	10	1994	Nữ	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không	Không	Không	Tiếng Anh
21	Trần Tuấn Hùng	20	4	2000	Nam	Chuyên viên tiếp công dân và giải quyết đơn thư	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	không	không	Tiếng Anh
22	Nguyễn Thị Vân Anh	28	4	2001	Nữ	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	không	không	Tiếng Trung
23	Trần Gia Hiếu	17	7	1999	Nam	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	không	Không	Tiếng Anh
24	Trịnh Kế Phương	4	12	2000	Nữ	Chuyên viên tổ chức bộ máy	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	không	Không	Tiếng Anh
25	Nguyễn Thị Thanh Huyền	7	12	1994	Nữ	Chuyên viên tiếp công dân và giải quyết đơn thư	Ban Tổ chức - Cán bộ	không	không	Không	Tiếng Anh
26	Dương Minh Anh	30	4	1983	Nam	Chuyên viên kế hoạch và đầu tư	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Sĩ quan quân đội	Không	Tiếng Anh
27	Phạm Thanh Thủy	18	11	1978	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
28	Nguyễn Ngọc Trâm	6	4	1997	Nữ	Chuyên viên kế hoạch và đầu tư	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	không	Tiếng Anh
29	Trần Anh Tuấn	19	6	1998	Nam	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	không	Tiếng Anh
30	Nguyễn Hoàng Hiệp	20	12	2000	Nam	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	Không	Tiếng Anh

31	Nguyễn Đức Anh	23	1	1998	Nam	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Con thương binh 3/4	Không	Tiếng Anh
32	Lê Thị Minh Phương	26	11	2001	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý Khoa học	không	không	không	Tiếng Anh
33	Nguyễn Thị Mai	28	6	1985	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Con thương bệnh binh	Không	Tiếng Anh
34	Võ Thị Thu Trang	8	12	1999	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	không	Không	Miễn	không
35	Lê Thảo Vy	19	5	1999	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
36	Bùi Thị Kim Giang	10	9	1997	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
37	Nguyễn Thanh Thảo	17	4	2001	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
38	Nguyễn Hoài Nam	28	7	1999	Nam	Chuyên viên kế hoạch và đầu tư	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	không	Không	không	Tiếng Anh
39	Nguyễn Thị Thu Thủy	11	10	2000	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	không	Không	không	Tiếng Anh
40	Nguyễn Thị Phương Thảo	20	1	1997	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	không	Không	Miễn	Không
41	Hoàng Việt Dũng	10	9	1991	Nam	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	không	Không	không	Tiếng Anh
42	Cao Nguyễn Ngọc Thúy	10	10	2003	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
43	Vũ Minh Khuê	21	8	2003	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	không	Tiếng Anh
44	Lê Đức Lâm	22	7	1999	Nam	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
45	Đào Lan Anh	10	6	1998	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
46	Nguyễn Thị Thúy Hiền	25	1	2001	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
47	Nguyễn Lê Văn	17	12	2003	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	không	Không	Không	Tiếng Anh
48	Bùi Sỹ Huân	18	9	1996	Nam	Chuyên viên kế hoạch và đầu tư	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	không	Không	Không	Tiếng Anh
49	Nguyễn Thị Tú Oanh	27	12	2000	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	không	Không	Miễn	không

50	Phạm Trịnh Ngọc Mai	13	12	2003	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	không	Không	Miễn	không
51	Đào Hà Thu	24	3	1999	Nữ	Chuyên viên quản lý khoa học	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	Viện Văn học	không	Không	Tiếng Anh
52	Nguyễn Thị Thúy Huyền	4	5	2002	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về người cao tuổi, trẻ em và phát triển xã hội	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	không	Không	Miễn	không
53	Đỗ Phương Anh	17	12	1997	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về hôn nhân và gia đình	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	Không	Không	Không	Tiếng Anh
54	Vũ Quang Hiền	25	12	2003	Nam	Nghiên cứu viên: nghiên cứu về phụ nữ, gia đình và giới	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	Không	Không	Miễn	không
55	Nguyễn Lê Tùng Lâm	12	10	2003	Nam	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về hôn nhân và gia đình	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	Không	Không	Không	Tiếng Anh
56	Trần Tùng Linh	14	3	1997	Nữ	Nghiên cứu viên: nghiên cứu về phụ nữ, gia đình và giới	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	Không	Không	Miễn	Không
57	Hà Tú Mỹ	21	8	2000	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về quyền con người và an ninh con người	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	không	không	Miễn	Không
58	Nguyễn Thành Trung	01	11	1988	Nam	Nghiên cứu viên: nghiên cứu về phụ nữ, gia đình và giới	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	không	Không	không	Tiếng Anh
59	Phạm Thanh Hoa	19	12	1999	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về người cao tuổi, trẻ em và phát triển xã hội	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	không	Không	không	Tiếng Anh
60	Vũ Hoàng	29	10	1987	Nam	Nghiên cứu viên về quyền con người, an ninh con người	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	không	Học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị	không	Tiếng Anh
61	Nguyễn Thị Thu Phương	15	5	2000	Nữ	Nghiên cứu viên về quyền con người và an ninh con người	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	không	không	không	Tiếng Anh
62	Nguyễn Lê Thanh Vân	24	10	1999	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về người cao tuổi, trẻ em và phát triển xã hội	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	Không	Không	không	Tiếng Anh
63	Bùi Mai Anh	14	10	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: nghiên cứu về nguồn lực và phát triển con người	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	Không	Không	Miễn	Không
64	Nguyễn Thế Duy Long	1	9	2003	Nam	Nghiên cứu viên về quyền con người và an ninh con người	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	không	Không	Miễn	không
65	Lê Minh Nam	25	8	1987	Nam	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về quyền con người, an ninh và con người	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	không	Không	không	Tiếng Anh

66	Lê Khánh Hà	09	9	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về phụ nữ, Gia đình và Giới	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	không	không	Không	Không	Tiếng Anh
67	Nguyễn Thùy Linh	12	7	2003	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về phụ nữ, Gia đình và Giới	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	không	không	Không	Không	Tiếng Anh
68	Ngô Vũ Thùy Dương	23	8	2001	Nữ	Nghiên cứu viên: nghiên cứu về phụ nữ, gia đình và giới	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	Không	Không	Miễn	không	không
69	Lê Thị Phương Linh	13	2	1999	Nữ	Chuyên viên quản lý khoa học	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới.	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
70	Trần Thị Khánh Huyền	4	2	1997	Nữ	Chuyên viên quản lý phát hành	Viện Thông tin Khoa học xã hội	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
71	Đinh Thị Mỹ Oanh	6	2	2002	Nữ	NV1. Chuyên viên Hợp tác quốc tế NV2. Chuyên viên Hợp tác quốc tế: chuyên quản các đơn vị phụ trách đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác quốc tế Viện Thông tin Khoa học xã hội	Ban Hợp tác quốc tế	Dân tộc thiểu số (Mường)	Không	Không	Tiếng Pháp
72	Phan Quang Tuấn	13	11	2000	Nam	NV1: Chuyên viên Hợp tác quốc tế NV2: Chuyên viên hợp tác quốc tế Chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Viện Thông tin Khoa học xã hội	Ban Hợp tác quốc tế	Không	Miễn	không	không
73	Dương Thanh Nhân	18	2	2002	Nữ	NV1 Chuyên viên Hợp tác quốc tế NV2. Chuyên viên Hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Viện Thông tin Khoa học xã hội	Ban Hợp tác quốc tế	Không	Miễn	không	không
74	Hoàng Thị Na	30	9	2002	Nữ	Chuyên viên Hợp tác quốc tế	Viện Thông tin Khoa học xã hội	không	Dân tộc thiểu số Tày	Không	Không	Tiếng Trung
75	Trần Anh Công	19	5	1986	Nam	Nghiên cứu viên về chính trị, quan hệ quốc tế của các thuộc Châu Âu	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không	Không	Miễn	Không	Không
76	Bùi Tuấn Quang	22	12	2002	Nam	Nghiên cứu viên về chính trị, quan hệ quốc tế của các nước thuộc châu Âu	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
77	Phùng Đức Huy	31	7	2002	Nam	Nghiên cứu viên về chính trị, quan hệ quốc tế của các thuộc Châu Âu	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
78	Bùi Thị Thúy Nga	5	6	1993	Nữ	Nghiên cứu viên về chiến lược và an ninh quốc tế	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không	Không	Không	Không	Tiếng Trung

79	Phạm Văn Bảo	3	8	2000	Nam	Nghiên cứu viên về chính trị, quan hệ quốc tế của các thuộc Châu Âu	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không	Không	Không	Tiếng Trung
80	Đỗ Nhật Minh	5	2	2003	Nam	Nghiên cứu viên về chiến lược và an ninh quốc tế của các nước thuộc Châu Âu và Châu Mỹ	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không	Không	Không	Tiếng Anh
81	Hoàng Văn Long	30	11	2003	Nam	Nghiên cứu viên về chiến lược và an ninh quốc tế của các nước thuộc Châu Âu và Châu Mỹ	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không	Không	Miễn	Không
82	Nguyễn Thu Trang	31	10	1998	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về Kinh tế tộc người	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
83	Nguyễn Hà Minh	2	7	2002	Nữ	Nghiên cứu viên về tín ngưỡng và các tôn giáo nội sinh	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
84	Trịnh Thu Cẩm	28	06	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về văn hóa tộc người	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	không	không	không	Tiếng Anh
85	Nguyễn Thành Trung	26	12	2000	Nam	Nghiên cứu viên nghiên cứu về Chính trị và Xã hội tộc người	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	không	không	Miễn	Tiếng Anh
86	Lê Văn Hiếu	21	10	2000	Nam	Nghiên cứu về tín ngưỡng và tôn giáo nội sinh	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
87	Nguyễn Thùy Dung	1	12	1987	Nữ	Nghiên cứu viên về Phật giáo và lý luận tôn giáo	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
88	Lê Tuấn Dũng	7	1	1991	Nam	Nghiên cứu viên về Ki to giáo	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	Không	không	Không	Tiếng Anh
89	Kim Thanh Sán	11	10	1998	Nam	Nghiên cứu viên về tín ngưỡng và các Tôn giáo nội sinh	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	không	không	không	Tiếng Anh
90	Nguyễn Minh Diệp	25	3	1998	Nữ	Nghiên cứu viên về Phật giáo và Lý luận Tôn giáo	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	Không	không	không	Tiếng Anh
91	Nguyễn Trọng Tuấn Anh	31	7	1994	Nam	Nghiên cứu viên về khu vực trung đông và Tây Á	Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi	Không	Không	Miễn	Không
92	Đàm Quang Trung	14	2	1992	Nam	Nghiên cứu viên về khu vực trung đông và Tây Á	Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi	Không	Không	Miễn	Không
93	Ngô Mai Linh	10	12	1997	Nữ	Chuyên viên quản lý khoa học	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Miễn	Không
94	Nguyễn Đức Tùng	10	1	1989	Nam	Nghiên cứu về quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực Asean và các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Miễn	không
95	Vũ Hoàng Anh	21	4	2000	Nữ	Nghiên cứu viên về quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực Asean và các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	không	không	Miễn	không

96	Nguyễn Thành Chung	15	4	2001	Nam	Nghiên cứu viên về kinh tế biển, các ngành kinh tế biển ở biển đông; các khu kinh tế ven biển; kinh tế ven biển; kinh tế thương mại quốc tế trên biển	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	không	không	không	Tiếng Anh
97	Đinh Phương Nam	15	8	2003	Nam	Nghiên cứu viên về quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực ASEAN và các quốc gia Châu Á, TBD	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	không	không	Miền	không
98	Phạm Thị Thu Hà	24	10	1994	Nữ	Nghiên cứu viên về kinh tế biển, các ngành kinh tế biển ở biển đông; các khu kinh tế ven biển; kinh tế ven biển; kinh tế thương mại quốc tế trên biển	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Dân tộc thiểu số (Mường)	Miền	Không
99	Vũ Hải Hoàng	20	7	2003	Nam	Nghiên cứu viên về quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực\Asean và các quốc gia Châu Á - Thái bình Dương	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	không	Tiếng Anh
100	Trần Quang Việt	28	4	2003	Nam	Nghiên cứu về quan hệ quốc tế tại Biển đông; chiến lược; chính sách của các nước đối với Biển đông	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Miền	không
101	Lục Thị Tầm	11	5	2000	Nữ	Nghiên cứu viên về Quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực ASEAN và các quốc gia Châu á TBD	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Giấy khai sinh DTTS Nùng	Không	Không
102	Nguyễn Thị Thu Cúc	2	8	2002	Nữ	Chuyên viên Quản lý khoa học	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Không	Tiếng Anh
103	Lê Thị Hồng Minh	30	8	1984	Nữ	Chuyên viên Hợp tác quốc tế	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Viện Thông tin Khoa học xã hội	Không	Miền	Không
104	Nguyễn Tuấn Quang	8	7	1995	Nam	Nghiên cứu viên về quan hệ quốc tế tại biển đông; Chiến lược; Chính sách của các nước đối với biển Đông	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Không	Tiếng Anh

MM

105	Phạm Thị Ngọc Hương	19	11	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về Quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực ASEAN và các quốc gia Châu á TBD	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
106	Nguyễn Trúc Mai	28	2	2002	Nữ	Nghiên cứu viên về Quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực ASEAN và các quốc gia Châu á TBD	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Không	Miền	Không
107	Nguyễn Quang Minh	8	10	2003	Nam	Nghiên cứu viên về quan hệ quốc tế về Biển đông, chính sách của các nước đối với Biển Đông	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Không	Miền	Không
108	Nguyễn Thu Trà	29	6	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về Quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực Asean và các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	không	không	không	Miền	Không
109	Nguyễn Phương Anh	5	11	1992	Nữ	Chuyên viên quản lý Khoa học	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Con bệnh binh	Không	Tiếng Anh
110	Lê Thị Thủy Dương	13	1	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực Asean và các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Không	Miền	Không
111	Lê Thị Trang	10	7	2000	Nữ	Nghiên cứu viên về quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực Asean và các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Không	Miền	Không
112	Nguyễn Mai Phương	31	10	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về quan hệ quốc tế tại Biển Đông; chiến lược; chính sách của các nước đối với Biển Đông	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
113	Nguyễn Quang Sáng	22	10	2003	Nam	Nghiên cứu viên về quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực Asean và các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Không	Miền	Không

114	Nguyễn Phan Thủy Dương	24	11	2002	Nữ	Nghiên cứu về quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực ASEAN và các nước Châu Á Thái Bình Dương	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	không	Miễn	không
115	Ngô Ngọc Hà	6	3	2000	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực ASEAN và các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Miễn	Không
116	Lương Tấn Phúc	4	8	2000	Nam	Nghiên cứu viên về Quan hệ hợp tác đa phương trong khu vực ASEAN và các quốc gia Châu Á TBD	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Miễn	không
117	Hoàng Thu Hà	2	11	1990	nữ	Chuyên viên quản lý khoa học	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Miễn	Không
118	Đinh Thị Phương Linh	30	12	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về kinh tế biển, các ngành kinh tế biển ở biển đông; các khu kinh tế ven biển; kinh tế ven biển; kinh tế thương mại quốc tế trên biển	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không	Không	Miễn	Không
119	Đậu Thị Quỳnh Hoa	11	7	1990	Nữ	Nghiên cứu viên về Triết học, kinh tế và chính sách, văn hóa	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	không	không	Tiếng Anh
120	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	30	6	1988	Nữ	Nghiên cứu viên về Triết học, Kinh tế và chính sách, văn hóa	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	không	không	Không	Tiếng Anh
121	Trần Thị Nữ	02	12	1998	Nữ	Nghiên cứu viên về Triết học, Kinh tế và chính sách, văn hóa	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	không	không	Không	Tiếng Anh
122	Võ Thị Bích Trâm	28	10	1988	Nữ	Nghiên cứu viên về kinh tế, chính sách	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	không	không	Miễn	Không
123	Vũ Thị Thùy Trang	28	3	1999	Nữ	Nghiên cứu viên về Triết học, chính trị học	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	Không	Không	Tiếng Anh
124	Đặng Thị Thanh Hằng	15	8	2002	Nữ	Nghiên cứu viên về kinh tế, chính sách	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	Không	Không	Tiếng Anh
125	Lê Minh Tân	23	3	1997	Nam	Nghiên cứu viên về văn hóa, lịch sử, khảo cổ	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	Không	Không	Tiếng Anh

126	Nguyễn Thị Thanh Thủy	14	10	1981	Nữ	Biên tập viên	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	không	Không	Không	Tiếng Anh
127	Lê Thị Thu Hiền	14	3	1983	Nữ	Thư viện viên	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	Không	Không	Tiếng Anh
128	Hồ Công Hợp	9	6	1998	Nam	Nghiên cứu viên về Triết học và chính trị học	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	Không	Miễn	Không
129	A Tuấn	14	3	1982	Nam	Nghiên cứu viên về văn hóa, lịch sử, khảo cổ	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	Dân tộc Xơ đăng	Không	Tiếng Anh
130	Nguyễn Hoàng Hiệp	1	11	1997	Nam	Nghiên cứu viên về Triết học, chính trị học	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	Con thương binh	Miễn	Không
131	Tô Thanh Lễ	15	11	2001	Nam	Nghiên cứu viên về Triết học, chính trị học	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	Không	Không	Tiếng Trung
132	Nguyễn Hà An	15	9	1998	Nữ	Nghiên cứu viên về văn hóa và lịch sử, khảo cổ	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	không	Miễn	không
133	Huỳnh Thị Kim Uyên	30	7	2000	Nữ	Biên tập viên	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	Không	Miễn	Không
134	Trần Thị Hồng Ngọc	2	9	1992	Nữ	Thư viện viên	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không	Không	Không	Tiếng Anh
135	Bùi Lê Anh Thư	23	10	1998	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Miễn	Không
136	Lê Thị Hà Phương	21	10	1996	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	không	Tiếng Anh
137	Lê Thị Quyên	30	8	1994	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	không	Không	Miễn	không
138	Nguyễn Đoàn Tú Minh	28	3	2003	Nam	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
139	Trần Việt Hà	11	12	2001	Nữ	Chuyên viên kiểm tra, rà soát, tiếp nhận xử lý đơn thư	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
140	Nguyễn Thị Hồng Khánh	9	1	1983	Nữ	Chuyên viên văn thư lưu trữ, hành chính	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
141	Nguyễn Thế Long	13	11	1999	Nam	Chuyên viên tổ chức xây dựng Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Miễn	không
142	Lê Thanh Hải	3	7	1997	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Con thương binh	Miễn	Không
143	Nguyễn Thanh Mai	30	9	1997	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Miễn	Không
144	Nguyễn Ngọc Hà	20	4	1995	Nam	Chuyên viên kiểm tra, rà soát, tiếp nhận xử lý đơn thư	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	không	Không	Miễn	Không
145	Nguyễn Thị Thu Hòa	6	3	1996	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh

146	Hà Nam Trung	21	7	1974	Nam	Chuyên viên công tác tổ chức, bộ máy, cán bộ	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không ghi	Không	Tiếng Anh
147	Nguyễn Xuân Công	30	4	1991	Nam	Chuyên viên công tác kỷ luật đảng, kê khai tài sản, phòng chống tham nhũng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	không	Không ghi	Miễn	không
148	Tấn Tấn Dìn	10	11	2002	Nam	Chuyên viên tổ chức xây dựng Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Dân tộc thiểu số	Không	Tiếng Anh
149	Lại Thị Huệ	8	9	2002	Nữ	Chuyên viên kiểm tra, rà soát, tiếp nhận xử lý đơn thư	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	không	Miễn	Không
150	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	19	8	2000	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	không	không	Miễn	không
151	Trần Văn Hoàng	25	1	2002	Nam	Chuyên viên tổ chức xây dựng Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	không	không	không	Tiếng Anh
152	Ngô Phương Thảo	10	2	1998	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
153	Nguyễn Tiến Hòa	7	8	1999	Nam	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Miễn	Không
154	Võ Thị Thanh Trúc	20	3	1996	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Miễn	Không
155	Vương Ngọc Phước	8	6	2000	Nam	Chuyên viên công tác kỷ luật đảng, kê khai tài sản, phòng chống tham nhũng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Trung
156	Lê Quang Huy	31	7	2000	Nam	Chuyên viên công tác kỷ luật đảng, kê khai tài sản, phòng chống tham nhũng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	không	không	Miễn	không
157	Lê Tiến Thịnh	10	11	1996	Nam	Chuyên viên công tác kỷ luật đảng, kê khai tài sản, phòng chống tham nhũng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	không	Miễn	không
158	Đỗ Thị Quỳnh Nga	23	12	2002	Nữ	Chuyên viên công tác kỷ luật Đảng, kê khai tài sản, phòng chống tham nhũng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
159	Đặng Thùy Dương	4	10	2003	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
160	Lê Ngọc Đình Sơn	22	10	2000	Nam	Chuyên viên tổ chức xây dựng Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
161	Vũ Ngọc Anh	16	8	2001	Nữ	Chuyên viên công tác tổ chức, bộ máy, cán bộ	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	không	Không	Không	Tiếng Anh
162	Phạm Thị Vân Anh	5	1	2001	Nữ	Chuyên viên kiểm tra, rà soát, tiếp nhận xử lý đơn thư	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Miễn	Không
163	Ngô Thị Thu Thủy	28	9	2002	Nữ	Chuyên viên công tác kỷ luật đảng, kê khai tài sản, phòng chống tham nhũng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	Không	Miễn	Không

164	Đinh Việt Nhật	4	8	2000	Nam	Chuyên viên kiểm tra, rà soát, tiếp nhận xử lý đơn thư	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	không	Không	Miễn	không
165	Vũ Hoàng Dũng	14	10	1998	Nam	Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác Quốc tế	Không	Không	Miễn	Không
166	Nguyễn Bảo Huy	24	1	2003	Nam	Chuyên viên Ban Hợp tác quốc tế: Chuyên quản phụ trách các đơn vị, phụ trách các đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao.	Ban Hợp tác quốc tế	Không	Không	Miễn	Không
167	Phạm Nguyễn Như Hoàn	25	10	2003	Nữ	NV1: Chuyên viên Hợp tác quốc tế: Chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao. NV2: Chuyên viên HTQT: Chuyên viên quản lý mạng hội nghị, hội thảo quốc tế cấp Viện Hàn lâm từ nguồn ngân sách nhà nước	Ban Hợp tác quốc tế	Ban Hợp tác quốc tế	Không	không	Tiếng Anh
168	Đào Phương Linh	5	10	1997	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác quốc tế	Không	Con Bệnh binh hạng 2/3	Không	Tiếng Anh
169	Lê Thị Tuệ Minh	27	7	2003	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác Quốc tế	Không	Không	Không	Tiếng Pháp
170	Lê Thị Phương Hà	29	7	1999	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: Phụ trách công tác liên quan đến các nhà tài trợ, các tổ chức quốc tế, báo cáo ngành, hoạt động tiếp nhận,...	Ban Hợp tác Quốc tế	không	Con Thương binh hạng 4/4	không	Tiếng Anh
171	Nguyễn Thị Hiền Trang	1	4	2001	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: Quản lý mạng hội nghị, hội thảo quốc tế cấp Viện Hàn lâm từ nguồn NSNN	Ban Hợp tác quốc tế	Không	Không	Không	Tiếng Anh
172	Đồng Thị Ngọc Hiền	28	02	2003	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: Quản lý mạng hội nghị, hội thảo quốc tế cấp Viện Hàn lâm từ nguồn ngân sách nhà nước	Ban Hợp tác Quốc tế	Không	Dân tộc Tày	Không	Tiếng Anh

173	Đỗ Thị Ngoan	7	4	1998	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác Quốc tế	Không	Không	Miễn	Không
174	Trần Minh Ngọc	5	9	2000	Nữ	Chuyên viên quản lý mạng hội nghị, hội thảo quốc tế cấp Viện Hàn lâm từ nguồn NSNN	Ban Hợp tác quốc tế	Không	Không	Không	Tiếng Anh
175	Lò Hạ Vinh	28	7	2002	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác quốc tế	không	Người dân tộc thiểu số	Không	Tiếng Anh
176	Lê Mạnh Quốc	11	1	1999	Nam	NV1: Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác Quốc tế	Không	không	Miễn	Không
177	Vũ Thùy Linh	1	11	2004	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác Quốc tế	không	không	Không	Tiếng Anh
178	Trần Hà Trang	28	7	2000	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác Quốc tế	không	không	Không	Tiếng Anh
179	Vũ Thị Mai Hương	28	8	2000	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác quốc tế	không	không	Miễn	không
180	Trần Mỹ Linh	26	5	2003	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác Quốc tế	không	không	Miễn	Không
181	Lê Thanh Hồng	8	1	2000	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao	Ban Hợp tác Quốc tế	Không	Dân tộc thiểu số (Dân tộc Tày)	Miễn	Không
182	Lê Phương Thảo	8	6	2000	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí khoa học xã hội	Không	Không	Miễn	Không
183	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	31	12	1994	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí khoa học xã hội	Không	Không	Miễn	Không
184	Tạ Khánh Huyền	18	10	2002	Nữ	Biên tập viên xuất bản; tạp chí	Nhà xuất bản và Tạp chí khoa học xã hội	Không	Không	Miễn	Không

185	Cao Thị Thủy Hằng	25	4	2002	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí khoa học xã hội	Không	Không	Không	Không	Tiếng Trung
186	Khuất Thị Hà	31	12	1992	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí khoa học xã hội	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
187	Nguyễn Thị Hạnh	16	7	1991	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí khoa học xã hội	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
188	Bùi Thị Xuân Hương	21	7	1983	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí khoa học xã hội	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
189	Cán Thị Huyền	6	7	1997	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí Khoa học xã hội	Không	Không	không	Miễn	không
190	Lê Hoàng Anh	26	6	1999	Nam	Biên tập viên	Viện Sử học	không	Không	Không	Không	Tiếng Trung
191	Trần Thị Tiểu Yến	30	4	2003	Nữ	Biên tập viên	Viện Sử học	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
192	Nguyễn Trần Kiều Trinh	22	10	2003	Nữ	Biên tập viên	Viện Sử học	Không	Không	Không	Không	Tiếng Trung
193	Lâm Minh Thúy	5	7	1992	Nữ	Biên tập viên	Viện Sử học	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
194	Vũ Thanh Bình	27	2	2001	Nữ	Biên tập viên	Viện Sử học	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
195	Nguyễn Huy Diệp	22	9	1979	Nam	Biên tập viên	Viện Sử học	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
196	Nguyễn Thị Huyền	13	3	1986	Nữ	Biên tập viên	Viện Sử học	không	không	Con bệnh binh	Không	Tiếng Anh
197	Hà Quang Dũng	10	7	2003	Nam	Biên tập viên	Viện Sử học	không	không	Không	Không	Tiếng Anh
198	Nguyễn Nhật Anh	1	10	1996	Nam	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
199	Đoàn Thị Minh Ánh	11	3	2001	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về di sản văn hóa	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
200	Trần Thị Hồng	11	08	2002	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Viện Nghiên cứu Văn hóa	không	không	không	Không có	Tiếng Anh
201	Phan Thị Kim Tâm	23	2	1997	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
202	Cao Thảo Hương	6	12	1990	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về di sản văn hóa	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
203	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	10	8	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
204	Lữ Ngân Sơn	27	8	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về di sản văn hóa	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
205	Đặng Viên Như	28	10	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	Không	không	Không	Tiếng Anh
206	Nguyễn Thị Hương Giang	15	2	1999	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	Dân tộc thiểu số người Tày	Miễn	Không	Không

207	Nguyễn Phương Anh	19	5	1995	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Viện Nghiên cứu Văn hóa	không	không	Không	Tiếng Anh
208	Nguyễn Thị Hà Giang	1	5	1999	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	Không	Miễn	Không
209	Chu Ngọc Mỹ Anh	27	10	2000	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về văn hóa và phát triển	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	Không	Miễn	Không
210	Ngô Hương Trang	23	6	1987	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về biên soạn Từ điển, Bách khoa thư Tổng hợp	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về biên soạn Từ điển, Bách khoa thư Tổng hợp	Viện Ngôn ngữ học	không	không	Không	Tiếng Anh
211	An Quang Thắng	09	02	1983	Nam	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về biên soạn Từ điển, Bách khoa thư Tổng hợp	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về biên soạn Từ điển, Bách khoa thư Tổng hợp	Viện Ngôn ngữ học	không	không	Không	Tiếng Anh
212	Lê Thanh Hà	14	10	1990	Nam	Nghiên cứu viên nghiên cứu về biên soạn Từ điển, Bách khoa thư địa phương	Nghiên cứu viên nghiên cứu về biên soạn Từ điển, Bách khoa thư địa phương	Viện Ngôn ngữ học	không	không	Không	Tiếng Trung
213	Trần Thị Phương	10	3	1990	Nữ	Chuyên viên hành chính - Văn phòng	Chuyên viên hành chính - Văn phòng	Viện Ngôn ngữ học	Viện Văn học	Không	Không	Tiếng Anh
214	Lê Thị Thúy	7	3	1985	Nữ	Chuyên viên hành chính văn phòng	Chuyên viên hành chính văn phòng	Viện Triết học	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không	Không	Tiếng Anh
215	Lê Đình Đài	22	11	2001	Nam	Nghiên cứu viên Triết học Mác-Lênin	Nghiên cứu viên Triết học Mác-Lênin	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
216	Nguyễn Đình Hưng	12	8	1991	Nam	Nghiên cứu viên Lịch sử Triết học VN	Nghiên cứu viên Lịch sử Triết học VN	Viện Triết học	không	không	Không	Tiếng Trung
217	Hàn Thị Nhung	02	10	2002	Nữ	Nghiên cứu viên Triết học - Mác Lê Nin	Nghiên cứu viên Triết học - Mác Lê Nin	Viện Triết học	không	không	Không	Tiếng Anh
218	Tô Thu Phương	20	10	2001	Nữ	Nghiên cứu viên Triết học Phương Đông	Nghiên cứu viên Triết học Phương Đông	Viện Triết học	không	không	Không	Tiếng Trung
219	Trần Tú Anh	16	2	2002	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về Triết học Mác - Lênin	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về Triết học Mác - Lênin	Viện Triết học	không	không	Không	Tiếng Anh
220	Trần Anh Thư	24	4	2000	Nữ	Nghiên cứu viên Triết học Phương Đông	Nghiên cứu viên Triết học Phương Đông	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
221	Trần Thị Hà My	13	2	1995	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về Triết học Phương Đông	Nghiên cứu viên nghiên cứu về Triết học Phương Đông	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
222	Trần Ngọc Thúy	5	8	1998	Nữ	Nghiên cứu viên Triết học Mác-Lê nin	Nghiên cứu viên Triết học Mác-Lê nin	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
223	Nguyễn Minh Ngọc	27	6	2001	Nữ	Nghiên cứu viên Triết học Mác-Lê nin	Nghiên cứu viên Triết học Mác-Lê nin	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh

224	Lê Quang Đức Anh	23	10	2003	Nam	Nghiên cứu viên về triết học mác - Lênin	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
225	Nguyễn Đức Hùng	6	8	2002	Nam	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về Triết học Mác - Lênin	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
226	Phan Quỳnh Mai	2	1	2000	Nữ	Nghiên cứu viên Triết học Phương Đông	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
227	Đặng Tuấn Dũng	22	9	2001	Nam	Nghiên cứu viên Triết học Mác Lê nin	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
228	Đinh Thị Linh Chi	27	11	2003	Nữ	Biên tập viên	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
229	Viên Hồng Ngọc	28	5	2001	Nữ	Biên tập viên	Viện Triết học	Không	Dân tộc Tày	Miền	không
230	Nguyễn Đức Thắng	10	1	1997	Nam	Biên tập viên	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
231	Đỗ Thị Hòa	25	2	1997	Nữ	Biên tập viên	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
232	Tăng Thị Thùy Ngân	27	11	2003	Nữ	Biên tập viên	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Trung
233	Vũ Việt Hoàng	31	10	2002	Nam	Nghiên cứu viên về Triết học Mác - Lênin	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
234	Phan Trường An	17	5	2000	Nam	Nghiên cứu viên nghiên cứu về Triết học Mác - Lênin	Viện Triết học	Không	Không	Miền	Không
235	Nhữ Thành Trung	9	7	1997	Nam	Biên tập viên	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
236	Nguyễn Thị Minh Hòa	23	3	1998	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về Triết học Mác - Lênin	Viện Triết học	Không	Không	Miền	Không
237	Nguyễn Thị Như Quỳnh	2	11	1994	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về Triết học - Mác Lê nin	Viện Triết học	không	Dân tộc thiểu số (Thổ)	Miền	không
238	Nguyễn Thị Thu Hương	6	10	1981	Nữ	Thư viện viên	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
239	Nguyễn Thị Dậm	24	1	1994	Nữ	Nghiên cứu viên về triết học Phương Đông	Viện Triết học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
240	Nguyễn Anh Thư	21	12	2003	Nữ	Chuyên viên hành chính văn phòng	Viện Triết học	Viện Văn học	Không	Miền	không
241	Lâm Kiêm Lợi	16	5	1995	Nữ	Nghiên cứu viên về Khảo cổ học	Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ	không	Không	Không	Tiếng Anh
242	Đặng Thị Bé Châu	17	01	1997	Nữ	Nghiên cứu viên về Khảo cổ học	Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ	không	Không	Không	Tiếng Anh
243	Hoàng Anh Tâm	18	10	2002	Nam	Nghiên cứu viên về Khảo cổ học	Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ	Không	Không	Không	Tiếng Anh
244	Đinh Ngọc Linh Chi	14	4	1999	Nữ	Chuyên viên quản lý khoa học và tư liệu thư viện	Viện Khảo cổ học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
245	Nguyễn Thu Hà	12	12	2002	Nữ	Nghiên cứu viên về con người, môi trường cổ và thí nghiệm khảo cổ học	Viện Khảo cổ học	Không	Không	Không	Tiếng Anh

246	Nguyễn Thị Huyền Trang	5	3	1992	Nữ	Chuyên viên quản lý khoa học và tư liệu thư viện	Viện Khảo cổ học	Không	không	không	Tiếng Anh
247	Tạ Minh Châu	10	8	2002	Nữ	Chuyên viên hành chính văn phòng	Viện Văn học	Không	Không	Không	Không
248	Lê Thị Thúy	7	12	1982	Nữ	Chuyên viên quản lý khoa học	Viện Văn học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
249	Nguyễn Hải Anh	12	01	1995	Nam	Nghiên cứu viên về văn học cổ trung đại và văn học dân gian	Viện Văn học	không	Không	Không	Tiếng Trung
250	Lê Minh Trang	9	10	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về văn học Cổ - Trung đại và dân gian;	Viện Văn học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
251	Nguyễn Chi Anh	7	5	1998	Nữ	Nghiên cứu viên về Văn học nước ngoài	Viện Văn học	Không	Không	Không	Không
252	Vũ Lê Tích Tiến	4	11	2000	Nữ	Nghiên cứu viên về Văn học nước ngoài	Viện Văn học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
253	Trần Thị Hòa	28	2	1989	Nữ	Kế toán viên	Viện Văn học	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Tiếng Anh
254	Nguyễn Phương Hoa	28	5	1995	Nữ	Biên tập viên	Viện Văn học	Không	Không	không	Tiếng Anh
255	Lê Thị Phương Thảo	9	7	1998	Nữ	Chuyên viên Hành chính - Văn phòng	Viện Văn học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
256	Phạm Linh Khôi	14	8	1987	Nữ	Chuyên viên Hành chính - Văn phòng	Viện Văn học	Viện Địa lý Nhân văn và Phát triển bền vững	Không	Miền	Không
257	Trần Mạnh Cường	7	3	2002	Nam	Nghiên cứu viên nghiên cứu về lý luận văn học	Viện Văn học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
258	Nguyễn Thị Hoài Phương	10	6	1998	Nữ	Nghiên cứu viên về Văn học nước ngoài	Viện Văn học	không	không	không	Tiếng Anh
259	Trần Thanh Hải	10	12	1997	Nam	Chuyên viên hành chính văn phòng	Viện Văn học	không	không	không	Tiếng Anh
260	Phạm Thu Trang	12	11	1997	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về lý luận văn học	Viện Văn học	Không	Không	Miền	Không
261	Nguyễn Ngô Thanh Tâm	16	4	1999	Nữ	Nghiên cứu viên hạng nghiên cứu về văn học nước ngoài	Viện Văn học	không	Không	Không	Tiếng Anh
262	Khúc Thị Kim Ngân	02	12	1999	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về văn học cổ - Trung đại và Văn học dân gian	Viện Văn học	không	không	không	Tiếng Anh
263	Nguyễn Thị Minh Thủy	20	1	1994	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về văn học nước ngoài	Viện Văn học	không	không	không	Tiếng Trung

264	Trần Thùy Trang	9	1	2000	Nữ	Nghiên cứu viên về văn học Cổ - Trung đại và Văn học dân gian	Viện Văn học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
265	Trần Thị Thu Dung	3	10	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về văn học nước ngoài	Viện Văn học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
266	Lê Thị Hoa	19	8	1986	Nữ	Chuyên viên Hành chính - Văn phòng	Viện Văn học	Viện Ngôn ngữ học	Không	Không	Tiếng Anh
267	Vũ Hồng Mai Phương	30	9	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về văn học nước ngoài	Viện Văn học	không	không	không	Tiếng Anh
268	Trần Thị Việt Hà	17	8	1997	Nữ	NCV: Nghiên cứu về các vấn đề phát triển toàn cầu	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Không	Tiếng Anh
269	Dương Thu Phương	5	9	2000	Nữ	Nghiên cứu về Kinh tế Vĩ mô và thể chế kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Miễn	Không
270	Nguyễn Thị Hoàng Hà	16	8	1991	Nữ	NCV: Nghiên cứu về các vấn đề phát triển toàn cầu	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Không	Tiếng Anh
271	Nguyễn Minh Tuấn	12	6	1997	Nam	NCV: Nghiên cứu về lý luận và lịch sử kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Không	Tiếng Anh
272	Nguyễn Hoàng Vũ	1	5	2002	Nam	NCV: Nghiên cứu viên về kinh tế vĩ mô và thể chế kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Miễn	Không
273	Nguyễn Phương Thảo	01	02	1996	Nữ	NCV: Nghiên cứu về Kinh tế Vĩ mô và thể chế kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	không	Miễn	Tiếng Anh
274	Vũ Trọng Phúc Hải	2	2	2003	Nữ	NCV: Nghiên cứu viên: nghiên cứu về kinh tế vĩ mô và thể chế kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Miễn	Không
275	Lê Thị Ngân Hà	01	01	2003	Nữ	NCV: Nghiên cứu về chính sách chiến lược kinh tế địa phương và lãnh thổ	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	không	Miễn	Tiếng Anh
276	Nguyễn Đức Huy	5	12	2003	Nam	NCV: Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về kinh tế vĩ mô và thể chế kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Không	Tiếng Anh
277	Vũ Minh Trang	28	12	2003	Nữ	NCV: Nghiên cứu viên về kinh tế vĩ mô và thể chế kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Không	Tiếng Anh
278	Nguyễn Thu Thủy	11	9	1998	Nữ	NCV: Nghiên cứu về các vấn đề phát triển toàn cầu	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Miễn	Không
279	Thân Thị Hạnh Chi	10	12	2000	Nữ	NCV: Nghiên cứu về lý luận và lịch sử kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Miễn	Tiếng Anh
280	Nguyễn Thị Dương	21	10	2003	Nữ	NCV: Nghiên cứu về các vấn đề phát triển toàn cầu	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Miễn	Tiếng Anh
281	Áu Thanh Huyền	1	3	2003	Nữ	Nghiên cứu về kinh tế phát triển	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Miễn	Tiếng Anh
282	Nguyễn Trần Minh Trí	17	4	1992	Nam	NCV: Nghiên cứu về kinh tế quốc tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	không	không	Miễn	Không

283	Mai Đức Dương	7	12	2001	nam	NCV: Nghiên cứu về Kinh tế vĩ mô và thể chế kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	không	không	Tiếng Anh
284	Nguyễn Hương Chi	31	10	2002	Nữ	NCV: Nghiên cứu về Kinh tế vĩ mô và thể chế kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	không	không	Tiếng Anh
285	Trịnh Minh Đức	26	12	2001	Nam	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về Phân tích và Dự báo	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	Không	Không	Không
286	Vũ Mỹ Dung	6	3	1994	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về Phân tích và Dự báo	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	không	Con thương binh	không	Tiếng Anh
287	Chu Văn Đạt	2	6	2003	Nam	NCV: Nghiên cứu về lý luận và lịch sử kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không	không	Miến	Không
288	Trần Thị Thúy Oanh	15	11	2002	Nữ	NCV: Nghiên cứu viên về kinh tế vĩ mô và thể chế kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	không	Không	Không	Tiếng Anh
289	Trần Văn Nam	12	8	2000	Nam	Chuyên viên quản trị công sở	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
290	Vũ Khánh Huyền	26	12	1999	Nữ	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
291	Kiều Văn Hoàng	31	8	1996	Nam	Kỹ sư hạng III	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
292	Nguyễn Thị Phương Anh	24	9	1994	Nữ	Y Sĩ	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
293	Lê Ngọc Ánh	4	11	1999	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	Không	Không	Tiếng Anh
294	Nguyễn Thị Xuân	4	11	1985	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	không	không	Tiếng Anh
295	Nguyễn Việt Hà	9	8	2002	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
296	Đoàn Thị Thảo	28	10	2002	Nữ	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
297	Nguyễn Văn Chăm	5	10	1982	Nam	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
298	Tổng Như Tuấn	24	10	2003	Nam	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
299	Nguyễn Thị Hiền	21	6	1991	Nữ	Văn thư viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	Không	Không	Tiếng Anh
300	Nguyễn Thu Hương	15	6	1995	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
301	Khuyết Việt Hà	26	4	2003	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Miến	Không
302	Nguyễn Thị Minh Hằng	28	4	2001	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
303	Trần Trà My	25	3	2003	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành	Không	Không	Tiếng Trung
304	Đinh Cao Thạch Ngọc	7	10	2000	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
305	Nguyễn Hồng Phương	3	2	1991	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
306	Đinh Thị Lan Anh	24	9	1992	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
307	Vũ Thị Thùy Tiên	31	1	1998	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
308	Nguyễn Thị Ngọc	20	6	1985	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Viện Văn học	Không	Không	Tiếng Anh

309.	Bùi Ngô Huyền Anh	23	7	1996	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
310	Đinh Văn Đạt	2	6	1993	Nam	Kỹ sư	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
311	Nguyễn Hồng Lâm	28	11	1991	Nam	Y Sĩ	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Dân tộc Mường	Không	Tiếng Anh
312	Phạm Minh Tuấn	26	10	1991	Nam	Kỹ sư	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
313	Trương Thị Thủy Mai	29	3	2002	Nữ	Chuyên viên truyền thông	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
314	Đỗ Tiến Thành	6	2	1996	Nam	Kỹ sư hạng III	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	không	không	Tiếng Anh
315	Nghiêm Ngọc Quyên	17	10	1979	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Viện Văn học	không	không	Tiếng Anh
316	Phan Thị Kim Cương	22	9	1995	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	không	không	Tiếng Anh
317	Phạm Thị Thanh	4	10	1988	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành	không	không	Tiếng Anh
318	Nguyễn Duy Hà Ngân	22	12	2003	Nữ	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	không	không	Tiếng Anh
319	Dương Thị Dương Thảo	30	7	1991	Nữ	Chuyên viên truyền thông	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	DT thiểu số (Tày)	không	Tiếng Anh
320	Nguyễn Minh Phương	9	12	2003	Nữ	Chuyên viên truyền thông	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
321	Bùi Lý Linh	9	3	2003	Nữ	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	không	Không	Không	Tiếng Anh
322	Trần Thị Phương Thảo	27	10	1995	Nữ	Chuyên viên Quản trị công sở văn phòng	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Miền	Tiếng Anh
323	Phạm Khánh Duy	10	6	2001	Nam	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
324	Phan Thị Thu Hà	22	11	2000	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
325	Nguyễn Thùy Dương	16	8	2001	Nữ	Chuyên viên truyền thông	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
326	Đỗ Thị Thắm	27	3	1986	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành	Không	Không	Tiếng Anh
327	Triệu Phương Linh	7	12	2000	Nữ	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Trung
328	Phan Thùy Dương	19	12	2002	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh

329	Đinh Thái Ninh	28	5	2003	Nam	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành	Không	Không	Tiếng Anh
330	Hoàng Thị Lan Anh	25	6	1996	Nữ	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Dân tộc thiểu số (Tày)	Tiếng Anh
331	Đỗ Tiến Hiệp	18	4	1998	Nam	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
332	Ninh Văn Sơn	2	5	1995	Nam	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
333	Nguyễn Hùng Sơn	21	7	2002	Nam	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Không
334	Hoàng Tiến Thành	28	4	1979	Nam	Kỹ sư hạng III	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
335	Nguyễn Hoài Linh	18	8	2003	Nữ	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
336	Hoàng Anh Tuấn	30	3	2001	Nam	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
337	Phạm Thị Thanh Hoa	29	12	1984	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Viện Văn học	Không	Không	Không
338	Lưu Thị Dịu	29	6	1997	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
339	Đặng Minh Anh	26	7	2003	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Không
340	Vũ Thủy Tiên	27	4	1998	Nữ	Chuyên viên truyền thông	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
341	Nguyễn Bảo Linh	10	10	1996	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
342	Nguyễn Thị Thu Hà	11	12	1997	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Xác nhận người có công (bố đẻ là thương binh)	Tiếng Anh
343	Nguyễn Quốc Đạt	9	3	1995	Nam	Công nghệ thông tin	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
344	Phạm Nhật Minh	23	12	2002	Nam	Chuyên viên quản trị công sở	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
345	Nguyễn Thị Thu Hương	23	8	1989	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
346	Trần Đình Duy	23	11	2001	Nam	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
347	Vũ Đăng Quang	11	5	2000	Nam	Công nghệ thông tin	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Không
348	Mai Đức Chiến	22	12	1988	Nam	Công nghệ thông tin	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
349	Phạm Thu Hà	15	4	2000	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh
350	Phạm Thị Hồng	3	9	1993	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Dân tộc thiểu số (dân tộc Mường)	Tiếng Anh
351	Ngô Lê Ngọc	19	11	1984	Nam	Công nghệ thông tin	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Không	Tiếng Anh

352	Trần Thị Ngọc Kiên	23	12	1985	Nữ	Chuyên viên truyền thông	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Miễn	Không
353	Trần Thị Lý	10	7	1989	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Miễn	Không
354	Nguyễn Thị Thanh Hương	28	12	1990	Nữ	Chuyên viên hành chính, văn phòng	Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững	Không	Không	Không	Tiếng Anh
355	Hoàng Hương Giang	13	4	2001	Nữ	Nghiên cứu viên về địa lý xã hội và phát triển bền vững; phát triển bền vững vùng và địa phương	Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững	Không	Không	Không	Tiếng Anh
356	Nguyễn Hoàng Diệu Linh	19	11	1990	Nữ	Nghiên cứu viên về Địa lý xã hội và Phát triển bền vững	Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững	Không	Không	Miễn	Không
357	Nguyễn Thị Diệu Linh	20	4	1999	Nữ	Nghiên cứu viên: NC về địa lý xã hội và PTBV	Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững	không	Không	Không	Tiếng Anh
358	Phạm Duy	22	3	1987	Nam	Nghiên cứu viên: NC về Phát triển bền vững và địa phương	Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững	Không	Không	Miễn	Không
359	Nguyễn Tiến Duẩn	20	10	2003	Nam	Nghiên cứu viên: NC về Địa lý xã hội và Phát triển bền vững	Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững	Không	Không	Không	Tiếng Anh
360	Nguyễn Thị Thanh Hợp	22	7	1991	Nữ	Kế toán viên	Ban Quản lý dự án ĐTXDCN	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không	Không	Tiếng Anh
361	Phan Quỳnh Chi	14	2	1978	Nữ	Kế toán viên	Ban Quản lý dự án ĐTXDCN	Không	Không	Không	Tiếng Anh
362	Đỗ Đức Nam	7	3	1984	Nam	Chuyên viên quản lý dự án	Ban Quản lý dự án ĐTXDCN	Không	Không	Không	Tiếng Anh
363	Lại Thu Phương	19	12	1998	Nữ	Kế toán viên	Ban Quản lý dự án ĐTXDCN	Viện văn học	Không	Miễn	Không
364	Phạm Ngọc Duy	22	7	1990	Nam	Chuyên viên quản lý dự án	Ban Quản lý dự án ĐTXDCN	Không	Không	Không	Tiếng Anh
365	Trần Thị Thanh Huyền	14	11	2001	Nữ	Nghiên cứu viên về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
366	Tạ Thị Hoàng Anh	11	3	1998	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	Không	Không	Tiếng Anh
367	Đặng Minh Tâm	6	1	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
368	Trần Ngọc Bảo	26	5	2002	Nam	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu các vấn đề Lý luận - Luật Hiến pháp - Luật Hành chính	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Miễn	Không
369	Doãn Thị Loan	16	10	1992	Nữ	Nghiên cứu viên về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
370	Trương Hồng Ngọc	6	1	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
371	Đinh Thanh Hằng	11	2	1999	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
372	Nguyễn Thị Thu Hà	25	5	2002	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh

373	Phan Thùy Linh	26	10	2001	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
374	Đỗ Thị Thúy	5	6	1997	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Miến	Không
375	Nguyễn Đình Tâm	21	01	2002	Nam	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	không	không	Tiếng Anh
376	Lê Minh Khuê	13	01	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	không	Miến	không
377	Quách Thị Hồng Ngọc	19	10	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	Dân tộc thiểu số - Mường	không	Tiếng Anh
378	Bùi Phạm Hồng Ngọc	18	3	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
379	Đỗ Bằng Linh	12	11	2003	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
380	Đặng Hồng Nga	2	10	2001	Nữ	Nghiên cứu viên về Luật quốc tế và quyền con người	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
381	Nguyễn Ngọc Hiếu	25	10	1996	Nam	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
382	Nguyễn Hiền Lương	6	12	2000	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
383	Lê Hồng Hương	17	4	2002	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
384	Vũ Thị Ngọc Linh	30	12	2001	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	không	Không	Tiếng Anh
385	Lê Túc Vân	11	12	2001	Nữ	Biên tập viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
386	Nguyễn Thị Thu Hiền	20	11	2002	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	Không	Không	Tiếng Anh
387	Vũ Thị Hồng Vi	19	7	2001	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	không	Miến	Không
388	Nguyễn Diệu Linh	14	9	2002	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không	không	không	Tiếng Anh
389	Trần Thị Vân Anh	7	1	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu và Pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	không	Không	Tiếng Anh
390	Nguyễn Cao Thắng	6	6	2000	Nam	Nghiên cứu viên về lý luận, luật hiến pháp và luật hành chính	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	không	Miến	Không
391	Phạm Việt Trinh	29	8	1997	Nữ	Nghiên cứu viên về vấn đề lý luận, luật hiến pháp, luật hành chính	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	Không	Không	Tiếng Anh
392	Lưu Hồng Lê	3	3	1997	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	Không	Miến	Không

393	Lê Hải Hà	7	12	2000	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	Người dân tộc thiểu số (Thổ)	Không	Tiếng Anh
394	Đặng Hoàng An	31	10	2000	Nam	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	không	Miền	Không
395	Nguyễn Hữu Thắng	20	3	2003	Nam	Nghiên cứu viên nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	không	không	Tiếng Anh
396	Võ Vi Vân	27	11	1980	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về pháp luật quốc tế và quyền con người	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	không	không	Tiếng Anh
397	Phạm Thị Lan	22	3	2001	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về pháp luật kinh tế	Viện Nhà nước và Pháp luật	không	không	không	Tiếng Anh
398	Cao Phương Thao	15	10	1998	Nữ	Nghiên cứu viên về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Miền	Không
399	Trần Thị Thơ	25	7	1985	Nữ	Nghiên cứu viên về Xã hội học Văn hóa giáo dục truyền thông đại chúng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
400	Phạm Ngọc Quang Huy	14	4	2000	Nam	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Không	Tiếng Anh
401	Hà Thị Lệ	6	9	2000	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về Xã hội học văn hóa, giáo dục và truyền thông đại chúng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Dân tộc Nùng	Miền	không
402	Đỗ Khánh Hằng	30	09	2002	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	không	không	không	Tiếng Anh
403	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	27	10	2003	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	không	không	Miền	Không
404	Phan Tâm Như	15	9	2001	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Miền	Không
405	Hoàng Thị Thanh Huệ	30	12	1996	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Miền	Không
406	Nguyễn Diệp Hà	1	8	1998	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Miền	không
407	Võ Quang Huy	24	9	1998	Nam	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về Xã hội học văn hóa, giáo dục và truyền thông đại chúng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Không	Tiếng Anh

408	Nguyễn Phúc Hải	27	6	1999	Nam	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về xã hội học Văn hóa, Giáo dục và Truyền thông đại chúng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
409	Nguyễn Thảo Anh	5	5	1993	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về Xã hội học văn hóa, giáo dục và truyền thông đại chúng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Không	Miền	Không
410	Bùi Thị Lan	20	3	2002	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về Tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Dân tộc thiểu số (Mường)	Miền	Không
411	Hoàng Thị Diệu	6	2	2003	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về xã hội học Văn hóa, Giáo dục và Truyền thông đại chúng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
412	Vũ Minh Anh	18	3	2003	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
413	Trần Việt Hoàng	19	3	2003	Nam	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về Tâm lý học văn hóa	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Không	Miền	Không
414	Bùi Thị Duyên	20	8	1995	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về Xã hội học văn hóa, giáo dục và truyền thông đại chúng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	không	không	Người dân tộc Mường	Không	Tiếng Trung
415	Nguyễn Xuân Duy	3	6	2002	Nam	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về Xã hội học văn hóa, giáo dục và truyền thông đại chúng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	không	không	Không	Không	Tiếng Anh
416	Mai Thị Mỹ Duyên	10	11	2003	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Không	Không	Tiếng Anh
417	Nguyễn Thị Hải Anh	2	7	2002	Nữ	Nghiên cứu viên về xã hội học Văn hóa, Giáo dục và Truyền thông đại chúng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không	Không	Không	Miền	không
418	Nông Thị Bích Phương	25	12	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về Tâm lý học xã hội và Tâm lý học Ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	không	không	Dân tộc thiểu số (Nùng)	không	Tiếng Anh
419	Chu Công Thọ	26	5	1987	Nam	Chuyên viên quản lý khoa học	Viện Nghiên cứu Hán Nôm	không	không	Con bệnh binh	Miền	Không
420	Trần Tấn Khải	20	8	2003	Nam	Chuyên viên về Quản lý khoa học	Viện Nghiên cứu Hán Nôm	Không	Không	Không	Không	Tiếng Trung
421	Đào Thị Phương Anh	25	9	1980	Nữ	Chuyên viên Quản lý khoa học	Viện Nghiên cứu Hán Nôm	không	không	Không	Không	Tiếng Trung

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025

DANH SÁCH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025
CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM (HÌNH THỨC THI TUYỂN)
(Kèm theo Thông báo số 2699/KHXH-TCCB ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Giới tính	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Nguyện vọng 2
		Ngày	Tháng	Năm				
1	Phạm Thị Khánh Linh	12	4	2001	Nữ	- NV1: Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực; tổ chức bộ máy - NV2: Chuyên viên hành chính, văn phòng	Ban Tổ chức - Cán bộ	Viện Ngôn ngữ học
2	Hồ Thị Hương Giang	1	12	2001	Nữ	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực; tổ chức bộ máy	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không
3	Nguyễn Thị Phương Thảo	1	4	1997	Nữ	-NV1: Chuyên viên tiếp xúc công dân và giải quyết đơn thư - NV2: Chuyên viên hành chính, văn phòng, quản lý khoa học	Ban Tổ chức - Cán bộ	Viện Nghiên cứu con người, Gia đình và Giới
4	Vũ Thanh Hằng	7	12	2003	Nữ	NV1: Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực NV1: Chuyên viên hành chính,	Ban Tổ chức - Cán bộ	Viện Nghiên cứu Văn hóa
5	Trịnh Hải Anh	18	10	1999	Nữ	Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực; tổ chức bộ máy	Ban Tổ chức - Cán bộ	Không
6	Hồ Bảo Linh	27	2	2001	Nữ	NV1: Chuyên viên tài chính NV2: Kế toán viên	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Văn phòng Viện Hàn lâm
7	Đỗ Tiến Dương	18	6	2003	Nam	NV1: Chuyên viên tài chính NV2: Chuyên viên kế hoạch đầu tư	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Ban Tài chính và Quản lý khoa học
8	Chu Thị Ngọc Khuê	18	1	2004	Nữ	NV1: Chuyên viên tài chính NN2: Chuyên viên tổng hợp	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Văn phòng Viện HL
9	Đinh Hà Thu	11	3	2002	Nữ	Chuyên viên hành chính, văn phòng; quản lý khoa học	Viện NC Con người, Gia đình và Giới	Viện Văn học

MB

10	Kiều Thị Hà Thanh	26	12	2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện NC Con người, Gia đình và Giới	Không
11	Bùi Khánh Linh	24	11	2002	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện NC Con người, Gia đình và Giới	Viện Xã hội học và Tâm lý học
12	Phạm Phương Linh	12	5	1998	Nữ	Nghiên cứu viên: nghiên cứu về phụ nữ, gia đình và giới	Viện NC Con người, Gia đình và Giới	Không
13	Vũ Hương Thảo	21	12	2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện NC Con người, Gia đình và Giới	không
14	Nguyễn Thị Huyền Trang	15	11	2002	Nữ	Nghiên cứu viên về quyền con người; an ninh con người; nguồn lực và phát triển con người; người cao tuổi....	Viện NC Con người, Gia đình và Giới	Không
15	Nguyễn Thị Thúy Hà	16	2	1985	Nữ	Thư viện viên	Viện NC Con người, Gia đình và Giới	Không
16	Trịnh Ngọc Ánh	23	1	2000	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện NC Con người, Gia đình và Giới	Viện Xã hội học và Tâm lý học
17	Đặng Văn Anh	04	01	2000	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện NC Con người, Gia đình và Giới	không
18	Trịnh Thị Ngọc Vi	20	8	1996	Nữ	Nghiên cứu viên về văn hóa, lịch sử	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Không
19	Lê Trần Toàn	9	10	1991	Nam	NV1: Nghiên cứu viên về văn hóa và lịch sử; kinh tế và chính sách; xã hội và môi trường; NV2: Nghiên cứu viên về di sản văn hóa; văn hóa phát triển; văn hóa ngôn từ và nghệ thuật	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Viện Nghiên cứu Văn hóa
20	Nguyễn Hoàng Quỳnh Trang	9	10	2003	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế tiếng Trung NV2: chuyên viên hợp tác quốc tế	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Viện Thông tin Khoa học xã hội
21	Hoàng Gia Lân	31	3	2003	Nam	Nghiên cứu viên về Asean và các vấn đề quốc tế, biển đông	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không
22	Đỗ Quốc Huy	31	8	1998	Nam	Nghiên cứu viên về ASEAN và các vấn đề quốc tế, biển đông	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	không
23	Lưu Thùy Linh	14	1	2002	Nữ	Nghiên cứu viên về ASEAN và các vấn đề quốc tế; Biển Đông	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không
24	Đinh Thị Châu Giang	17	10	2002	Nữ	Nghiên cứu viên về ASEAN và các vấn đề quốc tế; Biển Đông	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không
25	Hoàng Thanh Tâm	12	3	2001	Nữ	Nghiên cứu viên về ASEAN và các vấn đề quốc tế; Biển Đông	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không
26	Doãn Tùng Anh	26	8	1995	Nam	Nghiên cứu viên	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	không
27	Nguyễn Vũ Hiền Minh	18	9	2000	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	không
28	Lê Thu Trang	18	4	2003	Nữ	Nghiên cứu viên hạng 3	Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu phi	Không

29	Đỗ Thu Hương	20	10	2002	Nữ	Nghiên cứu viên về Nam Á, Trung Đông, Tây Á	Nghiên cứu viên về Nam Á, Tây Á và Châu phi	Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu phi	Không
30	Phạm Thị Thảo	8	1	1991	Nữ	Chuyên viên văn thư	Chuyên viên văn thư	Viện Thông tin Khoa học xã hội	không
31	Trần Thúy Ngân	20	11	1993	nữ	Chuyên viên văn thư	Chuyên viên văn thư	Viện Thông tin Khoa học xã hội	không
32	Đan Thu Thảo	23	5	1998	Nữ	Chuyên viên văn thư	Chuyên viên văn thư	0	Không
33	Phạm Xuân Hòa	20	12	1992	Nam	Chuyên viên văn thư	Chuyên viên văn thư	Viện Thông tin Khoa học xã hội	Không
34	Nguyễn Xuân Vinh	7	2	2002	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Viện Thông tin Khoa học xã hội	Không
35	Lê Hoàng Đức	1	5	1993	Nam	Nghiên cứu viên về chính trị và xã hội tộc người; kinh tế tộc người, văn hóa tộc người	Nghiên cứu viên về chính trị và xã hội tộc người	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	Không
36	Nguyễn Hồng Nhung	18	12	2001	Nữ	Nghiên cứu viên về chính trị và xã hội người kinh tế tộc người, văn hóa tộc người	Nghiên cứu viên về chính trị và xã hội người kinh tế tộc người, văn hóa tộc người	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	Không
37	Bùi Hoàng Sơn	10	12	2003	Nam	Nghiên cứu viên về Phật giáo và lý luận tôn giáo....	Nghiên cứu viên về Phật giáo và lý luận tôn giáo....	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	Không
38	Đỗ Thị Thúy	19	10	1991	Nữ	NV1: Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở đảng, tổ chức cán bộ, tiếp nhận xử lý đơn thư.... NV2: Chuyên viên hành chính, văn phòng; quản lý khoa học	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới	
39	Nguyễn Phước An Khang	18	6	1999	Nam	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở đảng, tổ chức cán bộ, ...	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	
40	Nguyễn Quang Duy	22	10	1997	Nam	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở đảng, tổ chức cán bộ, ...	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	
41	Phan Khuyển	25	5	1993	Nam	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở đảng, tổ chức cán bộ, ...	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	
42	La Thị Thảo	7	3	1993	Nữ	NV1: Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở đảng, tổ chức cán bộ, ... NV1: Chuyên viên hành chính văn phòng QLKH	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Viện Văn học	
43	Nguyễn Văn Tiên	22	4	2003	Nam	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở đảng; tổ chức, cán bộ, ...	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	
44	Nguyễn Thị Hòa	19	4	1991	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở đảng, tổ chức cán bộ, ...	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	
45	Nguyễn Ngọc Kiều Nguyễn	3	2	2003	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở đảng, tổ chức cán bộ, ...	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không	
46	Hoàng Văn Lập	29	6	1996	Nam	NV1: Chuyên viên tổ chức xây dựng Đảng; tổ chức cán bộ.... NV2: Chuyên viên hành chính, văn phòng; Quản lý khoa học	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Viện Nghiên cứu con người, Gia đình và Giới	

47	Nông Thanh Tuyền	3	4	2003	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng cơ sở đảng, tổ chức cán bộ, ...	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	không
48	Phạm Thanh Bình	20	7	2002	Nam	Chuyên viên tổ chức xây dựng Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không
49	Phạm Thu Giang	25	9	2002	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không
50	Phạm Nguyễn Minh Thư	11	1	2001	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng Đảng;...	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không
51	Nguyễn Thanh Tú	9	10	2003	Nữ	Chuyên viên tổ chức xây dựng Đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không
52	Lê Ngọc Hoàng	6	10	2003	Nam	Chuyên viên về tổ chức xây dựng cơ sở đảng	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	không
53	Nguyễn Trần Tường Vân	4	4	2001	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế, đối ngoại	Ban Hợp tác Quốc tế	Không
54	Trần Trung Thông	16	5	1986	Nam	Chuyên viên hợp tác quốc tế, đối ngoại	Ban Hợp tác Quốc tế	Không
55	Nguyễn Thanh Ngân	25	9	2001	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế đối ngoại	Ban Hợp tác Quốc tế	Không
56	Nguyễn Đình Hào Thiên	1	5	2003	Nam	Chuyên viên hợp tác quốc tế, đối ngoại	Ban Hợp tác quốc tế	Không
57	Trịnh Thị Đào	12	11	1997	Nữ	Chuyên viên Hợp tác quốc tế	Ban Hợp tác quốc tế	Không
58	Nguyễn Tùng Phước	11	4	2003	Nam	- NV1: chuyên viên Hợp tác quốc tế, đối ngoại. - NV2: Chuyên viên thủ quỹ, quản lý khoa học	Ban Hợp tác quốc tế	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương
59	Nguyễn Minh Đức	17	12	1994	Nam	Chuyên viên quan hệ quốc tế, truyền thông quốc tế	Ban Hợp tác quốc tế	Không
60	Nguyễn Thế Ninh	3	3	1983	Nam	CV Hợp tác quốc tế, đối ngoại	Ban Hợp tác Quốc tế	không
61	Nguyễn Thị Phương Anh	18	10	2002	Nữ	CV Hợp tác quốc tế, đối ngoại	Ban Hợp tác Quốc tế	không
62	Hoàng Phương Nhật Ánh	11	7	2002	Nữ	CV Hợp tác quốc tế, đối ngoại	Ban Hợp tác Quốc tế	không
63	Lê Hồng Hoa	11	10	2002	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế, đối ngoại	Ban Hợp tác Quốc tế	Không
64	Nguyễn Quốc Hưng	18	10	2000	Nam	Chuyên viên hợp tác quốc tế, đối ngoại	Ban Hợp tác Quốc tế	Không
65	Nguyễn Quỳnh Mai	18	6	1988	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế, đối ngoại	Ban Hợp tác Quốc tế	Không
66	Đỗ Thị Thảo	31	1	2001	Nữ	NV1: Chuyên viên hợp tác quốc tế, đối ngoại NV1: Chuyên viên Quản lý khoa học	Ban Hợp tác Quốc tế	Viện Nghiên cứu Châu Á Thái Bình Dương

67	Mai Thanh Diệu	26	8	2002	Nữ	NV1: Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao NV2: Chuyên viên Quản lý khoa học	Ban Hợp tác Quốc tế	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương
68	Đỗ Phương Thảo	20	1	2001	Nữ	NV1: Chuyên viên hợp tác quốc tế NV2: Chuyên viên Truyền thông	Ban Hợp tác Quốc tế	Văn phòng Viện Hàn lâm
69	Đoàn Thị Minh Thư	26	7	2003	Nữ	Biên tập viên	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không
70	Đỗ Châu Anh	22	11	2003	Nữ	Biên tập viên xuất bản, tạp chí	Nhà xuất bản và Tạp chí khoa học xã hội	Không
71	Trịnh Thị Mai Chi	30	3	2003	Nữ	Biên tập viên xuất bản; tạp chí	Nhà xuất bản và Tạp chí khoa học xã hội	Không
72	Đặng Như Phương	12	12	1998	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Văn hóa	không
73	Trịnh Văn Khoa	22	6	1989	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Văn hóa	không
74	Lê Đỗ Hiếu Lâm	30	10	1996	Nữ	Nghiên cứu viên về di sản văn hóa; văn hóa phát triển; văn hóa ngôn từ và nghệ thuật	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không
75	Nguyễn Lê Hà An	8	8	1998	Nữ	Nghiên cứu viên Triết học Mac Lê Nin; Triết học Phương Đông	Viện Triết học	Không
76	Lê Tuấn Anh	26	12	1997	Nam	Nghiên cứu viên Triết học - Mác Lê Nin; Triết học Phương Đông	Viện Triết học	không
77	Lâm Văn Thắng	17	2	2001	Nam	Nghiên cứu viên Triết học - Mác Lê Nin Triết học Phương Đông	Viện Triết học	không
78	Nông Thị Hằng	29	4	2002	Nữ	Nghiên cứu viên Triết học Mác- Lê nin; triết học Phương đông	Viện Triết học	Không
79	Lê Thiện Thanh Trúc	7	9	2002	Nữ	NV1: Nghiên cứu viên NV2: Chuyên viên hạng III	Viện Triết học	Văn phòng đăng ủy
80	Nguyễn Thị Huệ	31	10	1991	Nữ	NV1: Nghiên cứu viên Triết học Mác Lê nin; Triết học phương đông NV2: Biên tập viên	Viện Triết học	Viện Triết học
81	Nguyễn Thị Hương	24	11	1994	Nữ	Nghiên cứu viên Triết học Mác Lê nin; Triết học phương đông	Viện Triết học	Không
82	Trương Phương Dung	20	8	1988	Nữ	Biên tập viên	Viện Triết học	Không
83	Phan Thị Cẩm Vân	22	4	2003	Nữ	Chuyên viên hành chính - văn phòng, quản lý khoa học	Viện Văn học	Viện Xã hội học và Tâm lý học
84	Vũ Quỳnh Chi	25	12	2003	Nữ	Chuyên viên hành chính, văn phòng, quản lý khoa học	Viện Văn học	Viện Xã hội học và Tâm lý học
85	Nguyễn Tuấn Nghĩa	23	8	2000	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Văn học	Không

86	Trần Thị Tú Quyên	18	1	2000	Nữ	Nghiên cứu nghiên cứu về văn học nước ngoài	Viện Văn học	không
87	Lê Thùy Linh	1	8	2002	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về lý luận văn học; Nghiên cứu viên về văn hóa và phát triển	Viện Văn học	Viện Nghiên cứu Văn hóa
88	Bé Thảo Nhung	19	6	2002	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không
89	Trần Diệu Linh	6	11	1997	Nữ	Nghiên cứu viên về lý luận, lịch sử kinh tế....	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không
90	Nguyễn Tiến Duy	4	3	1999	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không
91	Nguyễn Mai Anh	7	4	1986	Nữ	Nghiên cứu viên về Kinh tế ngành	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	không
92	Phạm Minh Anh Thư	15	4	1998	Nữ	Nghiên cứu viên hạng III	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	không
93	Đỗ Thị Lệ Thùy	10	5	1999	Nữ	Chuyên viên tổng hợp, truyền thông	Văn phòng Viện Hàn lâm	không
94	Bùi Thị Thanh Hằng	26	9	1997	Nữ	Văn thư viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không
95	Lê Thị Minh Anh	20	10	2023	Nữ	Chuyên viên tổng hợp, truyền thông	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không
96	Nguyễn Khánh Linh	21	3	2003	Nữ	NV1: Chuyên viên pháp chế NV2: Chuyên viên hành chính, văn phòng, quản lý khoa học	Văn phòng Viện Hàn lâm	Viện Nghiên cứu con người, Gia đình và Giới
97	Phan Thùy Linh	17	12	2003	Nữ	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không
98	Nguyễn Thành Đô	8	4	1997	Nam	Chuyên viên quản trị công sở	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không
99	Nguyễn Thị Huyền	1	10	1995	Nữ	Chuyên viên tổng hợp	Văn phòng Viện Hàn lâm	không
100	Đinh Đăng Trung	9	4	2002	Nam	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không
101	Hoàng Mai Anh	11	6	2001	Nữ	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	không
102	Vì Thị Kim Tuyền	14	8	2000	Nữ	NV1: Công nghệ thông tin NV2: Chuyên viên kế hoạch sản xuất và chế bản	Văn phòng Viện Hàn lâm	Nhà xuất bản và Tạp chí KHXH
103	Nguyễn Ngọc Mai	1	3	2002	Nữ	NV1: Chuyên viên pháp chế NV2: Nghiên cứu viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Viện Nhà nước và Pháp luật
104	Trần Thị Thanh	20	3	1988	Nữ	Chuyên viên truyền thông	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không
105	Bé Hoài Ngọc	11	4	2003	Nữ	Chuyên viên truyền thông	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không

103

106	Cần Thị Hạnh Lê	8	9	1990	Nữ	Chuyên viên Hành chính, văn phòng	Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững	Viện Văn học
107	Đàm Vương Tuấn	9	2	1989	Nam	Chuyên viên quản lý khoa học	Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững	Viện N/cứu Nam Á Tây Á và Châu Phi
108	Trịnh Nhật Dương	12	10	2001	Nam	CV kỹ thuật chuyên ngành xây dựng và quản lý dự án	Ban Quản lý dự án ĐTXDCN	không
109	Đặng Phương Anh	27	12	2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	Viện Nghiên cứu Con người Gia đình và Giới
110	Nguyễn Gia Phong	25	5	2001	Nam	NV1: Nghiên cứu viên về pháp luật tư pháp NV 2. Nghiên cứu viên về quyền con người,	Viện Nhà nước và Pháp luật	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới
111	Lê Thị Quỳnh Anh	13	8	2003	Nữ	NV1: Nghiên cứu viên về pháp luật tư pháp; kinh tế lý luận; hiến pháp và luật hành chính; luật quốc tế và quyền con người NV2: Nghiên cứu viên về quyền con người, an ninh con người, nguồn lực và phát triển con người, người cao tuổi, phát triển xã hội, phụ nữ, gia đình và giới	Viện Nhà nước và Pháp luật	Viện Nghiên cứu Con người Gia đình và Giới
112	Doanh Thu Hiền	02	3	2001	Nữ	Nghiên cứu viên về pháp luật tư pháp, Kinh tế, lý luận, luật Hiến pháp và luật hành chính, luật quốc tế và quyền con người	Viện Nhà nước và Pháp luật	không
113	Dương Tiến Thuận	12	12	2000	Nam	Nghiên cứu viên về pháp luật	Viện Nhà nước và Pháp luật	không
114	Vũ Quỳnh Anh	20	2	2002	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	không
115	Hoàng Thế Vinh	9	11	1998	Nam	Nghiên cứu viên về pháp luật tư pháp; kinh tế; lý luận, luật hiến pháp và luật hành chính; Luật quốc tế và quyền con người	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không
116	Trần Thị Gia Huệ	24	5	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về pháp luật tư pháp; kinh tế; lý luận, luật hiến pháp và luật hành chính; Luật quốc tế và quyền con người	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không
117	Hoàng Quốc Khánh	1	9	2003	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không
118	Hồ Thị Mỹ Hạnh	15	6	2002	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	Viện Nghiên cứu Con người Gia đình và Giới
119	Thắm Thư Quỳnh	21	1	1997	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về Pháp luật tư pháp	Viện Nhà nước và Pháp luật	
120	Nguyễn Thanh Hương	20	9	2002	Nữ	Chuyên viên Quản lý khoa học	Viện Nhà nước và Pháp luật	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và giới
121	Vũ Thị Hương Giang	16	6	1995	Nữ	Di sản văn về kiểm kê;bảo quản;trung bày;truyền thông giáo dục	Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam	Không

122	Trần Thị Khánh Vân	30	5	1999	Nữ	Chuyên viên quản lý khoa học; hành chính, văn phòng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không
123	Hoàng Thị Kim Phụng	22	11	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng; tâm lý học văn hóa	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không
124	Hoàng Thị Thảo	29	01	1992	Nữ	Nghiên cứu viên về an sinh xã hội, công tác xã hội; xã hội văn hóa giáo dục, truyền thông	Viện Xã hội học và Tâm lý học	không
125	Đỗ Thanh Lan	03	05	2002	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Xã hội học và Tâm lý học	không
126	Nguyễn Thị Thùy Vân	9	9	1992	Nữ	Nghiên cứu viên về Tâm lý học xã hội và Tâm lý học ứng dụng; tâm lý học văn hóa	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Viện NC Con người, Gia đình và Giới
127	Nguyễn Mai Chi	24	12	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về an sinh xã hội, công tác xã hội; xã hội học văn hóa giáo dục, truyền thông	Viện Xã hội học và Tâm lý học	không
128	Nguyễn Thùy Dung	30	4	2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không
129	Nguyễn Thị Uyên Nhi	14	6	2001	Nữ	Nghiên cứu viên về an sinh xã hội, công tác xã hội; xã hội học văn hóa giáo dục, truyền thông	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không
130	Nguyễn Thị Thùy Linh	21	12	2003	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không
131	Bùi Thùy Linh	24	5	1999	Nữ	Nghiên cứu viên về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng; tâm lý học văn hóa	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không
132	Trần Thị Tố Uyên	19	11	1996	Nữ	Nghiên cứu viên về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không
133	Lê Thị Thủy	4	6	2002	Nữ	Nghiên cứu viên về an sinh xã hội, công tác xã hội; xã hội học văn hóa giáo dục, truyền thông	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không
134	Lê Thị Thảo	8	6	1998	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không
135	Vũ Ngọc Linh	20	12	2002	Nữ	Nghiên cứu viên về an sinh xã hội, công tác xã hội; xã hội học văn hóa giáo dục, truyền thông	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không
136	Lê Thị Thanh Xuân	28	1	1989	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không
137	Đỗ Thị Hà Phương	08	11	2000	Nữ	Nghiên cứu về tâm lý học xã hội và Tâm lý học ứng dụng; tâm lý học văn hóa	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không
138	Nguyễn Thị Lâm Oanh	20	1	1997	Nữ	Nghiên cứu viên về an sinh xã hội và Công tác xã hội; Xã hội học văn hóa giáo dục, truyền thông	Viện Xã hội học và Tâm lý học	không
139	Nguyễn Thị Hoàng Dung	15	3	2000	Nữ	NV1 là Chuyên viên Quản lý khoa học và NV2 Chuyên viên Hợp tác quốc tế	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Viện Thông tin Khoa học xã hội

MB

140	Chu Hoàng Nam	7	10	2003	Nam	Chuyên viên công tác tổ chức, bộ máy, cán bộ	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	Không
141	Nguyễn Ngọc Mai Phương	2	9	2000	Nữ	NV1: Chuyên viên Hợp tác Quốc tế; Chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao NV2: Chuyên viên hợp tác quốc tế	Ban Hợp tác quốc tế	Viện Thông tin Khoa học xã hội
142	Hoàng Cao Thắng	27	9	1980	Nam	NV1: Chuyên viên hợp tác quốc tế: chuyên quản phụ trách các đơn vị, đoàn vào, đoàn ra, quan hệ với các cơ quan ngoại giao NV2: Chuyên viên HTQT: Phụ trách công tác liên quan đến các nhà tài trợ, các tổ chức quốc tế, báo cáo bộ ngành, hoạt động tiếp nhận và sử dụng viện trợ	Ban Hợp tác Quốc tế	Ban Hợp tác Quốc tế
143	Xin Thị Phương	14	11	1997	Nữ	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về Triết học Mác - Lênin	Viện Triết học	Không
144	Trần Quỳnh Anh	1	2	1993	nữ	NV1: Chuyên viên hành chính, văn phòng; NV2: chuyên viên tổng hợp	Viện Văn học	Văn phòng Viện Hàn lâm
145	Nguyễn Chí Long	19	7	2000	Nam	Chuyên viên quản lý dự án	Ban Quản lý dự án ĐTXDCN	không
146	Nguyễn Lam Hoàng	04	09	2000	Nam	Nghiên cứu viên về tâm lý học văn hóa	Viện Xã hội học và Tâm lý học	không
147	Chữ Đình Tuấn	3	9	2003	Nam	Nghiên cứu viên về con người, môi trường cổ và thí nghiệm khảo cổ học	Viện Khảo cổ học	Không
148	Trần Thị Ngọc Bích	22	9	2002	Nữ	NV1: Chuyên viên tổng hợp NV2: Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực	Văn phòng Viện Hàn lâm	Ban Tổ chức-Cán bộ
149	Tạ Trung Đức	18	8	1994	Nam	NV1: Chuyên viên pháp chế NV2: Chuyên viên tiếp công dân và giải quyết đơn thư	Văn phòng Viện Hàn lâm	Ban Tổ chức-Cán bộ

112

DANH SÁCH THAM DỰ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025 CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
(HÌNH THỨC TIẾP NHẬN)

(Kèm theo Thông báo số 2699/KHXH-TCCB ngày 07 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)

	Họ và tên	Ngày tháng			Giới tính	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên
		Ngày	Tháng	Năm				
1	Nguyễn Văn Dân	2	8	1986	Nam	Chuyên viên quản trị công sở	Văn phòng Viện Hàn lâm	không
2	Lương Văn Thiết	26	8	1983	Nam	Di sản viên	Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam	Dân tộc thiểu số (Thái); Con của người hưởng chế độ như thương binh; con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.
3	Nguyễn Thị Ngọc Mai	24	9	1989	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về khu vực Châu Phi	Viện NC Nam Á, Tây Á và Châu Phi	không
4	Nguyễn Thúy Anh	12	11	1990	Nữ	Chuyên viên hành chính văn phòng	Viện NC Nam Á, Tây Á và Châu Phi	không
5	Nguyễn Thị Doan	2	1	1983	Nữ	Chuyên viên Thủ quỹ	Viện NC Châu Á- Thái Bình Dương	không
6	Nguyễn Thị Ánh Thuận	15	1	1985	Nữ	Chuyên viên Hợp tác quốc tế	Viện NC Châu Á- Thái Bình Dương	không
7	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	8	11	1975	Nữ	Biên tập viên	Viện Văn học	không
8	Nguyễn Thị Hà	10	11	1981	Nữ	Văn thư viên	Viện Thông tin Khoa học xã hội	không

M2

9	Nguyễn Duy Phú	1	12	1987	Nam	Công nghệ thông tin	Viện Thông tin Khoa học xã hội	không
10	Hoàng Thị Thảo	26	5	1989	Nữ	Kế toán viên	Viện NC Hán Nôm	không
11	Đào Thị Huệ	24	1	1987	Nữ	Biên tập viên	Viện NC Hán Nôm	không
12	Nguyễn Thị Nhài	18	7	1978	Nữ	Hướng dẫn viên văn hóa tại bảo tàng	Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam	Con thương binh
13	Nguyễn Thị Phụng	11	10	1987	nữ	Di sản viên	Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam	không
14	Vũ Thị Diệu	10	8	1989	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu khoa học bảo tàng	Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam	không
15	Nguyễn Thị Nga	15	1	1983	nữ	Di sản viên	Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam	(dân tộc Tày)
16	Dương Thị Thùy Ninh	18	11	1979	Nữ	Di sản viên	Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam	Con thương binh
17	Nguyễn Thị Thủy Ly	9	3	1988	Nữ	Chuyên viên hành chính văn phòng	Nhà xuất bản và Tạp chí KHXH	Con thương binh
18	Nguyễn Thị Thu Huyền	30	1	1977	Nữ	Chuyên viên kế hoạch sản xuất, chế bản	Nhà xuất bản và Tạp chí KHXH	không
19	Lê Thị Quỳnh Anh	20	6	1987	Nữ	Chuyên viên hành chính văn phòng	Nhà xuất bản và Tạp chí KHXH	không
20	Nguyễn Quốc Khánh	31	3	1980	Nam	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí KHXH	không
21	Lê Kim Dung	18	10	1982	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí KHXH	không
22	Trần Lệ Thu	19	1	1984	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí KHXH	Con thương binh
23	Quế Thị Mai Hương	25	7	1981	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí KHXH	không
24	Nguyễn Thị Minh Huệ	8	10	1978	Nữ	Chuyên viên phát hành sách	Nhà xuất bản và Tạp chí KHXH	không

25	Bùi Thanh Hải	10	9	1988	Nam	Chuyên viên kế hoạch đầu tư	Ban Tài chính và Quản lý Khoa học	không
26	Nông Thị Diệu	2	9	1988	Nữ	Chuyên viên quản lý khoa học	Viện Khoa học xã hội Vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	Dân tộc Nùng (có giấy khai sinh)
27	Phạm Văn Chiến	3	6	1991	Nam	Nghiên cứu kinh tế và chính sách	Viện Khoa học xã hội Vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	không
28	Trương Minh Tuấn	7	2	1988	Nam	Chuyên viên công nghệ Thông tin	Viện Khoa học xã hội Vùng Nam Bộ	không
29	Phạm Thị Nga	27	9	1985	Nữ	Chuyên viên hành chính	Viện Nghiên cứu Văn hóa	không
30	Trần Thị Mai Loan	7	7	1984	Nữ	Thư viện viên	Viện NC Con người gia đình và Giới	không
31	Trần Thị Phương Ngọc	11	2	1986	Nữ	Chuyên viên hành chính văn phòng	Viện NC Con người gia đình và Giới	không
32	Trương Thị Thu Hiền	10	10	1991	Nữ	Biên tập viên	Viện Địa lý nhân văn và phát triển bền vững	không
33	Đặng Thị Giang	12	1	1992	Nữ	Chuyên viên quản lý khoa học	Viện Địa lý nhân văn và phát triển bền vững	không
34	Hoàng Nhật	12	1	1993	Nam	Nghiên cứu viên về tâm lý học xã hội và tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và tâm lý học	không
35	Phạm Thủy Ngân	6	7	1992	Nữ	Chuyên viên hành chính văn phòng	Viện Xã hội học và tâm lý học	không
36	Lê Thị Lưỡng	1	1	1989	Nữ	Chuyên viên hành chính văn phòng	Viện Xã hội học và tâm lý học	không
37	Nguyễn Trí Công	11	5	1989	Nam	Chuyên viên Quản lý đào tạo	Học viện Khoa học xã hội	không
38	Nông Thị Nhung	19	9	1984	Nữ	Giảng viên	Học viện Khoa học xã hội	Dân tộc Tây, con thương binh
39	Nguyễn Mai Hương	17	10	1986	Nữ	Giảng viên	Học viện Khoa học xã hội	Con bệnh binh
40	Trần Tuấn Minh	7	7	1995	Nam	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về pháp luật tư pháp	Viện Nhà nước và Pháp luật	không
41	Nguyễn Thị Thu Trang	21	6	1986	Nữ	Chuyên viên Quản lý khoa học	Viện Xã hội học và tâm lý học	không
42	Nguyễn Thanh Lý	26	2	1985	Nữ	Giảng viên về luật học	Học viện Khoa học xã hội	không

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025
CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM (HÌNH THỨC TIẾP NHẬN)
(Kèm theo Thông báo số 269/KHXH-TCCB ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)

	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Giới tính	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Ngày	Tháng	Năm			
1	Trần Thị Lệ Chi	12	8	1987	Nữ	Nghiên cứu viên về EU Mỹ la tinh	Viện NC Châu Âu và Châu Mỹ
2	Nguyễn Đức Huy	30	1	1993	Nam	CV phòng tổ chức xây dựng Đảng	Văn phòng Đảng ủy
3	Trần Thị Như Quỳnh	25	7	1995	Nữ	NV1: Nghiên cứu viên về văn học nước ngoài NV2: Biên tập viên	NV1: Viện Văn học NV2: Nhà xuất bản và Tạp chí KHXH
4	Đào Thị Hải Yến	30	4	1989	Nữ	Nghiên cứu viên về pháp luật tư pháp; kinh tế...	Viện Nhà nước và Pháp luật
5	Hoàng Thị Ngân	8	3	1987	Nữ	CV hành chính, văn phòng, quản lý khoa học	Viện NC Con người gia đình và Giới
6	Võ Thị Vân Anh	12	12	1985	Nữ	Chuyên viên hành chính văn phòng, Quản lý khoa học	Viện NC Con người gia đình và Giới
7	Vương Thị Hồng Thu	3	10	1979	Nữ	Di sản viên	Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam



VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025
CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM (HÌNH THỨC XÉT TUYỂN)
(Kèm theo Thông báo số 2699/KH-XH-TCCB ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Giới tính	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên
		Ngày	Tháng	Năm				
1	Nguyễn Anh Nam	2	12	1981	Nam	NCv nghiên cứu về chính trị, quan hệ quốc tế của Nga và SNG	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không
2	Nguyễn Thị Thu Giang	30	7	1987	Nữ	NCV nghiên cứu về kinh tế quốc tế, chính trị, quan hệ quốc tế các nước thuộc Mỹ Latinh	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không
3	Lê Thị Thu Trang	14	12	1981	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về kinh tế quốc tế, chính trị, quan hệ quốc tế các nước thuộc Mỹ Latinh	Viện NC Châu Âu và Châu Mỹ	Không
4	An Thị Bích Đào	12	8	2000	Nữ	Nghiên cứu viên về chính trị, quan hệ quốc tế của nước Nga và SNG	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không
5	Đình Lê Hồng Giang	29	11	1992	Nam	NCv nghiên cứu về chính trị, quan hệ quốc tế của Nga và SNG	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không
6	Tạ Minh Anh	31	10	2002	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	không
7	Phạm Thùy Dương	22	5	1991	Nữ	Nghiên cứu viên: Nghiên cứu về văn hóa ngôn từ và nghệ thuật học	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không
8	Nguyễn Thị Thu Hương	18	10	1995	Nữ	Nghiên cứu viên nghiên cứu về an sinh xã hội và công tác xã hội	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không
9	Trần Thanh Giang	22	12	1996	Nữ	Nghiên cứu viên về tâm lý học văn hóa	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không
10	Nguyễn Phúc Lộc	2	9	1996	Nữ	Nghiên cứu viên về tâm lý học xã hội và Tâm lý học ứng dụng	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không

MB

11	Phạm Minh Thủy	27	4	1993	Nữ	Giảng viên về Quản lý giáo dục	Học viện khoa học xã hội	không
12	Phạm Ngọc Tuấn	5	3	1974	Nam	Giảng viên về Ngôn ngữ	Học viện khoa học xã hội	không
13	Trần Kim Bá	3	7	1989	Nam	Nghiên cứu viên Nghiên cứu về khu vực Nam Á	Viện NC Nam Á, Tây Á và Châu Phi	Không



VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025

DANH SÁCH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025
CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM (HÌNH THỨC XÉT TUYỂN)

(Kèm theo Thông báo số 2699/KHXH-TCCB ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Giới tính	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên
		Ngày	Tháng	Năm				
1	Trần Việt Hà	5	7	1981	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không
2	Hà Thị Thu Trang	25	3	1995	Nữ	Chuyên viên tài chính	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	Không
3	Hoàng Duy	16	2	2002	Nam	Chuyên viên hợp tác quốc tế; đối ngoại	Ban hợp tác quốc tế	Không
4	Lưu Hà Phương	23	8	2003	Nữ	Chuyên viên Hợp tác quốc tế, đối ngoại	Ban Hợp tác quốc tế	không
5	Đỗ Thị Mai Phương	25	12	2003	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không
6	Cao Việt Đức	29	7	2000	Nam	Chuyên viên pháp chế	Văn phòng Viện Hàn lâm	Không
7	Đặng Chí Thọ	28	7	1983	nam	Nghiên cứu về kinh tế vĩ mô và thể chế kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	Không
8	Nguyễn Hoàng Đạt	12	9	2003	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	Không
9	Phạm Thị Bảo Ngọc	3	11	1991	Nữ	Nghiên cứu về Asean và các vấn đề quốc tế, Biển Đông	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	Không
10	Hoàng Tuấn Anh	1	12	2003	Nam	Nghiên cứu viên về ASEAN và các vấn đề quốc tế; Biển Đông	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	Dân tộc thiểu số (Tày)



11	Lê Thành Đạt	5	11	1999	Nam	Nghiên cứu viên về văn hóa và lịch sử, kinh tế và chính sách, xã hội và môi trường	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	không
12	Quách Thành Long	17	5	1992	Nam	Nghiên cứu viên Triết học - Mác Lê nin; Triết học	Viện Triết học	Dân tộc thiểu số (Mường)
13	Trần Thị Mai Linh	19	7	2002	Nữ	Chuyên viên hành chính văn phòng	Viện Nghiên cứu Văn hóa	Không
14	Nguyễn Thị Thu Hải	7	10	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về Phật giáo và lý luận tôn giáo;...	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	không
15	Nguyễn Thị Hồng Anh	11	2	2001	Nữ	NV1. Nghiên cứu viên về pháp luật tư pháp, kinh tế... - NV2: Nghiên cứu viên về quyền con người...	- NV1: Viện nhà nước và Pháp luật - NV2: Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới	Không
16	Tổng Thị Phương	23	6	2001	Nữ	Nghiên cứu viên về pháp luật; kinh tế; lý luận...	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không
17	Bùi Nguyễn Hà My	12	10	2000	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không
18	Trần Thị Minh Phương	11	1	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về pháp luật tư pháp, kinh tế...	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không
19	Nguyễn Khánh Ngân	24	6	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về pháp luật tư pháp, kinh tế...	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không
20	Đỗ Nhật Quang	10	4	2001	nam	Nghiên cứu viên về pháp luật tư pháp; kinh tế...	Viện Nhà nước và Pháp luật	không
21	Nguyễn Trọng Nam Trường	17	4	2003	Nam	Nghiên cứu viên về pháp luật tư pháp; kinh tế; lý luận...	Viện Nhà nước và Pháp luật	Không
22	Nguyễn Khánh Linh	30	11	2003	Nữ	Chuyên viên hành chính văn phòng, quản lý khoa học	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới	không
23	Lê Anh Nhân	9	11	2002	Nam	Thư viện viên	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới	không
24	Trịnh Khánh Hiền	13	12	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về Bách khoa tổng hợp, bách khoa địa phương	Viện ngôn ngữ học	không
25	Hoàng Thu Hiền	6	8	2002	Nữ	Nghiên cứu viên về Bách khoa tổng hợp, bách khoa địa phương	Viện ngôn ngữ học	không

26	Nguyễn Thị Lưu Ly	12	10	1998	Nữ	NV1: Chuyên viên hợp tác quốc tế NV2: Chuyên viên hợp tác quốc tế Tiếng Trung	NV1: Viện Thông tin KHXH NV2: Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	Không
27	Nguyễn Hoài Phương	15	10	1980	Nam	Giảng viên Luật học	Học viện khoa học xã hội	không
28	Nguyễn Mạnh Tiến	25	5	2003	Nam	Biên tập viên xuất bản, tạp chí	Nhà xuất bản và tạp chí khoa học xã hội	không
29	Nguyễn Minh Thương	23	3	1998	Nữ	Biên tập viên xuất bản; tạp chí	NV1:Nhà xuất bản và Tạp chí Khoa học xã hội NV2: Viện NV Hán Nôm	không
30	Vũ Thị Phương	1	6	1981	Nữ	Nghiên cứu viên về EU, Mỹ La tinh, Chiến lược và an ninh quốc tế	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không
31	Bùi Minh Thủy	6	1	2003	Nữ	Nghiên cứu viên về Eu; Mỹ La Tinh,	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	Không
32	Trần Thị Tân	24	11	2001	Nữ	Nghiên cứu viên về Eu; Mỹ La Tinh,	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	không
33	Phạm Bích Phương	16	6	1999	Nữ	Nghiên cứu viên về tâm lý xã hội và tâm lý học ứng dụng; tâm lý học văn hóa	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không
34	Đỗ Thị Hà Phương	8	11	2000	Nữ	Nghiên cứu viên về tâm lý xã hội và tâm lý học ứng dụng; tâm lý học văn hóa	Viện Xã hội học và Tâm lý học	Không